TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 81/2019/HNGĐ-ST Ngày 25 tháng 11 năm 2019 "V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân; Ông Nguyễn Quang Vinh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng C - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 154/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: anh Trần Văn C, sinh năm : 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn ND, Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG

2- Bị đơn: chị Đồng Thị L - sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ND, Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc Kh - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C1 - Phó giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện LG, BG II (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/6/2019, bản tự khai ngày 11/7/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Trần Văn C trình bày: Năm 1993, anh kết hôn với chị Đồng Thị L. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới theo

phong tục, nhưng anh, chị không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật do chị L chưa đủ tuổi. Khi chị L đủ tuổi thì anh và chị L có đến UBND Xã ĐM đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sinh sống tại thôn ND, Xã ĐM. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và chơi bời cờ bạc, lô đề, nợ nần nhiều. Anh có khuyên bảo nhưng chị L không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con là Trần Văn Th, sinh ngày 18/7/1994 và Trần Thị Kim O sinh ngày 23/9/2002. Hiện Th đã lập gia đình, trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với O, anh có nguyện vọng được nuôi và không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu O muốn ở với chị L anh cũng nhất trí và sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khoản tiền vay Ngân hàng A - Chi nhánh huyện LG năm 2013, số tiền vay 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng gốc và tiền nợ lãi là nợ chung của hai người, anh nhất trí cùng chị L chịu trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn chị Đồng Thị L tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2019 trình bày: Chị và anh C đã kết hôn tự nguyện, tổ chức lễ cưới ngày 09/10/1993, do khi đó chị chưa đủ tuổi nên không đi đăng ký kết hôn. Ngày 20/01/1994 chị và anh C đã đăng ký kết hôn tại UBND Xã ĐM, huyện LG theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, số chứng nhận 85, quyển 01 ngày 20/01/1994. Về mâu thuẫn, chị xác định anh C khai không đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là năm 1993 anh C làm công trình xây dựng bị thua lỗ, bên cạnh đó còn đánh lô đề, nợ nần nhiều người nên anh C đã bỏ trốn đi. Năm 1994 thì chị biết anh C làm ở Bắc Ninh và chung sống với một người phụ nữ, nay đây mai đó, anh C không về chung sống với mẹ con chị. Năm 2017 con trai lấy vợ anh C mới về rồi lại đi, năm 2018 anh C đưa một người phụ nữ về sống ở Núi Dứa. Nay chị và anh C ly thân đã lâu, không còn tình cảm, chị nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Chị xác định chị tên là Đồng Thị Thu L nên trong giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận kết hôn đều ghi tên như vậy, chị không hiểu vì sao trong sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh của con lại ghi tên là Đồng Thị L. Chị sẽ cung cấp chứng minh nhân dân của chị để Tòa xem xét.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh C khai. Đối với con lớn Trần Văn Th, sinh 1994 chị không yêu cầu giải quyết. Đối với Trần Thị Kim O đến nay chưa đủ 18 tuổi, chị yêu cầu tòa án giao cho chị nuôi cháu O và yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng theo mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian đóng góp tính từ khi ly hôn cho đến khi O đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có thửa đất gần 360m^2 và một ngôi nhà nhỏ trên đất hiện chị đang quản lý. Tài sản này chị để cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có vay Ngân hàng A - Chi nhánh huyện LG số tiền vay gốc 25.000.000 đồng từ năm 2013 và còn nợ toàn bộ số gốc, lãi từ đó đến nay. Chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án xem xét. Quan điểm nợ chung thì chị và anh C cùng chịu trách nhiệm, đối với các khoản nợ của anh C không sử dụng cho mục đích chung của gia đình thì chị không chịu trách nhiệm. Nợ của riêng chị vay chị tự chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng A trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2019 và các lời khai tiếp theo trình bày: Ngày 29/8/2012 ông Trần Văn C đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2507-LAV201204210 với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện LG, Phòng giao dịch TL, với số tiền vay là 25.000.000 đồng, mục đích để chăn nuôi lợn, bò, lãi suất cho vay 15%/năm, thời hạn vay 24 tháng, được phân làm hai kỳ trả nợ cụ thể: Ngày 29/8/2013 trả số tiền 12.000.000 đồng; Ngày 29/8/2014 trả số tiền 13.000.000 đồng. Phương thức trả lãi cùng kỳ trả gốc. Hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Dư nợ gốc và lãi của hợp đồng trên tính đến ngày 20/9/2019 là 44.181.250 đồng. Trong đó gốc là 25.000.000 đồng, lãi là 19.181.250 đồng. Do ông C vi phạm, nên Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Văn C và chị Đồng Thị L phải trả số gốc và lãi trên và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Theo biên bản xác minh của Tòa án, đại diện chính quyền địa phương xác nhận anh Trần Văn C và chị Đồng Thị L có hộ khẩu và hiện cư trú tại thôn ND, Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Anh, C và chị L đăng ký kết hôn tại UBND Xã ĐM, huyện Lạng Giang ngày 20/01/1994, quyển 01, số thứ tự 85 ngày 20/01/1994. Trong giấy chứng nhận ghi Đồng Thị Thu (L), trên thực tế là Đồng Thị L. Về mâu thuẫn, trên thực tế vợ chồng anh C, chị L đã mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh, chị xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung đề nghị xem xét nguyện vọng của con.

Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn, nay mâu thuẫn không thể hòa giải đoàn tụ nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Về con chung nhất trí ý kiến cháu O xin ở cùng mẹ và anh nhận đóng góp cấp dưỡng nuôi O theo mức 1.000.000 đồng/tháng. Về số nợ Ngân hàng A, đến nay anh đã thanh toán được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nợ gốc cho Ngân hàng, còn nợ lại 5.000.000 đồng gốc và toàn bộ số tiền lãi. Anh nhận trách nhiệm trả hết số tiền trên cho Ngân hàng A. Không yêu cầu chị L cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Chị L đã được tống đạt hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/11/2019 không có lý do. Tại phiên tòa ngày ngày 25/11/2019 chị L có mặt khi thư ký kiểm tra giấy tờ, thông báo nội quy, nhưng sau đó bỏ đi, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện ngân hàng là ông Trần Văn C1 xác nhận từ khi Ngân hàng gửi đơn khởi kiện đến nay anh C đã thanh toán được 20.000.000 đồng cho Ngân hàng, số tiền trên được trù vào số nợ gốc. Số tiền còn nợ Ngân hàng là 5.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 19.600.000 đồng, tổng cộng là 24.600.000 đồng. Ngân hàng

nhất trí để anh Trần Văn C là người chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, nên không yêu cầu chị L phải chịu trách nhiệm liên đới cùng anh C đối với nợ gốc, lãi còn lại.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, không có vi phạm, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã đến Tòa án trình bày lời khai nhưng sau này không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên HĐXX căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sư để xét xử vụ án là đúng.

Về nội dung: Anh C và chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp. Tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho anh C, chị L ly hôn. Đề nghị giao chị L tiếp tục nuôi con Trần Thị Kim O, sinh ngày 23/9/2002 và anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Oanh mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ thời gian xét xử cho đến khi Oanh đủ 18 tuổi. Về trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa đại diện Ngân hàng và anh Trần Văn C về việc anh C chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi là 19.600.000 đồng. Về án phí, anh C phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự vay tài sản. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng A cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện việc thông báo khởi kiện và gửi tài liệu cho các đương sự khác theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, tài sản các đương sự cư trú tại huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Nguyên đơn,người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, đều có mặt tại

phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/11/2019 và ngày 25/11/2019 nên HĐXX căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định.

[4]. Về nội dung:

Tại giấy chứng nhận kết hôn do UBND Xã ĐM cấp cho anh C, chị L có ghi người kết hôn là Đồng Thị Thu (L) - sinh năm: 1976 ở NghH, LG và Trần Văn C - sinh năm: 1972 ở ĐM, LG. Theo đại diện UBND Xã ĐM xác nhận thì đây chính là trường hợp anh Trần Văn C và Đồng Thị L đã đăng ký kết hôn tại Xã ĐM. Như vậy, lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng giấy chứng nhận kết hôn bản gốc do bị đơn cung cấp, xác nhận của Ủy ban nhân dân Xã ĐM, huyện Lạng Giang cho thấy anh Trần Văn C và chị Đồng Thị L đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG ngày 20/01/1994 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND Xã ĐM cấp, do đó quan hệ hôn nhân của anh Trần Văn C và chị Đào Thị L là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn cũng như bị đơn và xác nhận của đại diện chính quyền nơi cư trú cho thấy giữa anh C và chị L sau khi kết hôn về chung sống với nhau tại thôn ND, Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009, đến năm 2013 thì vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên đã sống ly thân, từ đó đến nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc cũng như thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C, chị L là do vợ chồng không bảo ban được nhau trong làm ăn kinh tế, ham chơi, cờ bạc, nợ nần, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh C có yêu cầu ly hôn, chị L cũng nhất trí, do đó HĐXX xác định tình trạng mâu thuẫn của anh C, chị L đã trầm trọng, kéo dài, nên căn cứ điều 56 của luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Đối với con là Trần Văn Th, sinh năm: 1994, HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với con Trần Thị Kim O, sinh ngày 23/9/2002. Cháu O có lời khai xin được ở với mẹ, cả anh C và chị L đều nhất trí nên HĐXX xét giao cho chị L quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Kim O. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu O theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi O đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5].**Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:** HĐXX xét thấy, giữa Ngân hàng A - Chi nhánh huyện LG, Phòng giao dịch TL đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2507-LAV201204210 Ngày 29/8/2012, với số tiền vay là 25.000.000 đồng, mục đích để chăn nuôi lợn, bò, lãi suất cho vay 15%/năm, thời hạn vay 24 tháng, được phân làm hai kỳ trả nợ cụ thể: Ngày 29/8/2013 trả số tiền 12.000.000 đồng; Ngày 29/8/2014 trả số tiền 13.000.000 đồng. Phương thức trả lãi cùng kỳ trả gốc. Hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Người trực tiếp lý kết hợp đồng là anh Trần Văn C. Trên thực tế tại thời điểm ký kết hợp đồng, anh C và chị L vẫn chung sống, anh C vay để chăn nuôi lợn, bò và chị L cũng thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng, nên HĐXX xác định đây là khoản nợ chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh C và đại diện Ngân hàng là ông Trần Văn C1 đã thống nhất xác định số tiền còn nợ Ngân hàng do anh C chịu

toàn bộ trách nhiệm thanh toán, chị L không phải chịu trách nhiệm nên HĐXX ghi nhận sự thống nhất này của hai bên. Tính số tiền anh C đã thanh toán trả Ngân hàng A đến nay là 20.000.000 đồng (nợ gốc). Số tiền còn nợ là gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 19.600.000 đồng, cần buộc anh C chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng A.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận.

[7].Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn C và chị Đồng Thị L ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kim O, sinh ngày 23/9/2002. Anh Trần Văn C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu O theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc anh Trần Văn C phải thanh toán trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, lãi tính đến ngày xét xử là 19.600.000 đồng. Tổng cộng là 24.600.000 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nợ trên, anh C tiếp tục phải trả các khoản lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên đã thỏa thuận theo số hợp đồng tín dụng số 2507-LAV201204210 ngày 29/8/2012 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, và 1.230.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là: 1.830.000 (một triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0007290

ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh C còn phải nộp tiếp 1.530.000 đồng án phí.

Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.100.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0007436 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện LG;
- TAND Tỉnh BG;
- THADS huyện LG;
- Các đương sự; UBND Xã ĐM
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng